

Bản án số: 315/2018/HSST

Ngày: 17/9/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Hàn Hòa Thuận

2/ Bà Hồ Thị Diệu Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vui - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 455/2018/HSST, ngày 09/8/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3772/2018/QĐXXST-HS, ngày 23/8/2018 đối với bị cáo:

Trương Minh T; Sinh ngày: 15/11/1972 tại Thành phố H; Giới tính: Nam; Thường trú: 303/41 đường B, Phường B, Quận D, Thành phố H; chỗ ở: Không nơi ở nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; con ông Trương Văn H (chết) và bà Lê Thị N H (chết), chưa có vợ, con: Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/12/1998 bị Công an Quận A bắt, khởi tố về tội “Cướp giật tài sản”, Tòa án nhân dân Quận A xử phạt 12 tháng tù, ngày 23/12/1999 chấp hành xong hình phạt tù (Bản án hình sự sơ thẩm số 143/HSST ngày 13/4/1999).

Bị bắt tạm giữ từ ngày 19/01/2017 đến 25/01/2017 được thả tự do.

Bị tạm giam ngày 09/12/2017, (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

1/ Bà J, sinh năm 1996, quốc tịch: Hàn Quốc (vắng mặt);

Nơi lưu trú cuối cùng: 56-58 đường P, phường B, Quận A, Thành phố H.

2/ Bà V (vắng mặt);

Thường trú: 173/23/123 đường V, phường P, quận TP, Thành phố H.

3/ Bà S (vắng mặt);

Thường trú: B4/10 QL1, ấp 2, xã TK, huyện BC, Thành phố H.

4/ Ông T (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 47/39/6 đường TQT, Phường Y, Quận C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Minh T là đối tượng không có nghề nghiệp, để có tiền tiêu xài, Tú đã thực hiện các hành vi cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 10 giờ ngày 16/01/2017, Trương Minh T đi bộ đến khu vực Quận 3 để tìm xin việc làm, khi đi đến trước quán “Phở Hòa” số 260C Pasteur, Phường Y, Quận C, Tú phát hiện 01 chiếc xe Mô tô hiệu Attila màu đỏ, biển số 52F7-2250 đang dựng gần trước quán phở Hòa thuộc Phường Y, Quận C còn cầm chìa khóa trên xe và không người trông giữ nên Tú đã lén lút lấy trộm xe mô tô trên để sử dụng.

Vụ thứ hai:

Khoảng 11 giờ ngày 18/01/2017, Trương Minh T điều khiển xe mô tô biển số 52F7-2250 ra khỏi nhà Bến VĐ, Phường B, Quận D để tìm xin việc làm ở các công trình xây dựng trên đường trên địa bàn Quận 1. Khoảng 12 giờ 10 phút cùng ngày, khi đi đến trước nhà số 31 đường LAX, phường BT, Quận A. Tú phát hiện bà J (quốc tịch Hàn Quốc) đang đi bộ trên lề đường, trên tay cầm điện thoại di động hiệu Samsung S5 màu hồng, T liền nảy sinh ý định cướp giật tài sản. T điều khiển xe chạy áp sát bà J rồi dừng xe lại, T ngồi trên xe dùng hai tay cướp giật chiếc điện thoại di động của bà J, sau đó tăng ga bỏ chạy, tay trái T cầm điện thoại di động vừa cướp giật được bỏ vào túi quần bên trái.

Vụ thứ ba:

Sau khi cướp giật điện thoại của bà J. Khoảng 12 giờ 10 phút cùng ngày, T điều khiển xe đi đến giao lộ TĐ – LTT, phường BT, Quận A và phát hiện một người phụ nữ (không rõ lai lịch) đang đi bộ trên đường, trên tay cầm điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng. T điều khiển xe chạy áp sát, dừng xe lại, T ngồi trên xe dùng hai tay cướp giật điện thoại di động của người phụ nữ đó rồi tăng ga chạy thoát. Sau đó, T bỏ điện thoại vừa cướp giật được vào túi quần bên trái.

Vụ thứ tư:

Sau khi cướp giật điện thoại của người phụ nữ không rõ lai lịch tại giao lộ TĐ – LTT, phường BT, Quận A. Khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày, T điều khiển xe đi đến giao lộ LTT – ĐTC, phường BT, Quận A. Lúc này, T phát hiện bà V, trên vai đeo túi xách màu nâu (bên trong có 155.000 đồng, 01 điện thoại di động Sony Ericsson màu đen và đồ dùng cá nhân). T điều khiển xe chạy áp sát,

dừng xe và dùng hai tay cướp giật chiếc túi xách của bà V rồi tăng ga bỏ chạy thoát. T để túi xách xuống bệ để chân xe Attila rồi chạy về hướng đường TTT, Quận A để đi Quận E.

Vụ thứ năm:

Sau khi cướp giật túi xách của bà V. Khoảng 12 giờ 40 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô đi đến trước nhà số 225 NTP, Phường Y, Quận E. Lúc này T phát hiện bà N đang điều khiển xe mô tô biển số 59N2-734.38, phía sau chở bà S đang lưu thông phía trước cùng chiều, trên tay bà S cầm 01 túi xách màu đen (bên trong có giấy tờ khám bệnh). T chạy xe áp sát vào bên phải của bà N, dùng tay trái cướp giật túi xách của bà S. Do bà S giữ túi xách lại được, làm T mất thăng bằng té ngã xuống đường, 02 cái điện thoại trong túi quần bên trái của T và túi xách trên bệ để chân xe văng ra đường, T lượm lại tài sản bị văng ra rồi bỏ xe chạy bộ nhằm tẩu thoát thì bị người dân đuổi theo bắt giữ, giao cho Công an Phường Y, Quận E xử lý.

Tại Cơ quan Công an, Trương Minh T đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản và cướp giật tài sản như trên.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 291/KLĐGTS ngày 23/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 1 kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung S5 màu hồng, giá là 2.867.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 41/KLĐGTS ngày 07/02/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Quận A kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Sony Ericsson màu đen; 01 túi xách màu nâu, có dây đeo, hình vuông cạnh 25 cm và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng, giá là 1.100.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 2321/STC-KLĐGTS-BVG ngày 17/4/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự cấp thành phố kết luận: Giá trị tài sản 01 mô tô hiệu Attila, biển số 52F7-2250, đăng ký lần đầu 2007, dung tích xi lanh 125cm³ tại thời điểm ngày 11/01/2017 là: 4.212.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 chiếc xe mô tô Attila, biển số 52F7-2250, số khung: RLGH125GD6D010882, số máy: VMM9BED010882 thuộc sở hữu của ông T, Cơ quan điều tra đã trao trả chủ sở hữu là ông T.

- 01 túi xách màu nâu, có dây đeo, hình vuông cạnh 25 cm, 01 điện thoại di động hiệu Sony Ericsson màu đen, số IC: 4170B-A3880091 và 155.000 đồng, Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà V.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S5 màu hồng, Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà J.

- 01 túi xách màu đen, Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà S.

- 01 điện thoại di động Samsung màu trắng (chưa xác định được chủ sở hữu), Cơ quan điều tra có thông báo truy tìm chủ sở hữu.

- 01 máy tính bảng hiệu Huawei (T khai là tài sản của T).

Về dân sự:

Những người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét.

Bản cáo trạng số 309/CT-VKS-P2 ngày 06/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trương Minh T về tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 và khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 và khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là điểm f Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Trương Minh T tội trộm cắp tài sản từ 01- 02 năm tù, tội cướp giật tài sản từ 05 đến 06 năm tù, tổng hợp hình phạt từ 06 đến 08 năm tù.

Bị cáo không tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trương Minh T thừa nhận về hành vi phạm tội do bị cáo gây ra đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản nhận dạng, biên bản khám nghiệm hiện trường. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 16/01/2017, Trương Minh T đi bộ đến khu vực Quận C để tìm xin việc làm, khi đi đến trước quán “Phở Hòa” số 260C đường P, Phường Y, Quận C, Tú phát hiện 01 chiếc xe Mô tô hiệu Attila màu đỏ, biển số 52F7-2250 đang dựng gần

trước quán phở Hòa thuộc Phường Y, Quận C còn cắm chìa khóa trên xe và không người trông giữ nên Tú đã lén lút lấy trộm xe mô tô trên.

Bị cáo T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 52F7-2250 của ông T. Theo kết luận định giá tài sản số 2321/STC-KLĐGTS-BVG ngày 17/4/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự cấp Thành phố kết luận: Giá trị tài sản 01 mô tô hiệu Attila, biển số 52F7-2250, đăng ký lần đầu 2007, dung tích xi lanh 125cm³ tại thời điểm ngày 11/01/2017 là: 4.212.000 đồng, nên hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Ngày 18/01/2017, bị cáo T đã dùng xe mô tô biển số 52F7-2250 (là tài sản trộm cắp được ngày 16/01/2017) là phương tiện nguy hiểm, lợi dụng sự sơ hở của người bị hại cướp giật tài sản là: 01 điện thoại di động Samsung S5 trị giá 2.867.000 đồng của bà J, 01 điện thoại di động Samsung màu trắng trị giá 700.000 đồng (riêng vụ cướp giật này không xác định được chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này); 01 túi xách màu nâu trị giá 200.000 đồng (bên trong có 155.000 đồng, 01 điện thoại di động Sony Ericsson màu đen trị giá 200.000 đồng và đồ dùng cá nhân) của bà V, 01 túi xách màu đen (bên trong có giấy tờ khám bệnh) của bà S.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Cướp giật tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Bị cáo phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là điểm f Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử bị cáo về tội danh “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 và khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có cơ sở, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo Trương Minh T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. gây tâm lý hoang mang lo sợ, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội và ảnh hưởng đến sự phát triển văn hóa du lịch, làm giảm niềm tin của người nước ngoài đối với Việt Nam. Vì vậy, để giữ gìn kỷ cương pháp luật, để bảo vệ tài sản của mọi người, để củng cố niềm tin của nhân dân thì cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, đúng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới đạt được mục đích giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Hành vi của bị cáo là phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Về trách nhiệm dân sự:

Những người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc xe mô tô Attila, biển số 52F7-2250, số khung: RLGH125GD6D010882, số máy: VMM9BED010882 thuộc sở hữu của ông T. Cơ quan điều tra đã trao trả chủ sở hữu là ông T.

- 01 túi xách màu nâu, có dây đeo, hình vuông cạnh 25 cm, 01 điện thoại di động hiệu Sony Ericsson màu đen, số IC: 4170B-A3880091 và 155.000 đồng, Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà V.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S5 màu hồng, Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà J.

- 01 túi xách màu đen, Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà S.

- 01 điện thoại di động Samsung màu trắng, không xác định được chủ sở hữu cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 máy tính bảng hiệu Huawei của bị cáo T, không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo **Trương Minh T** phạm tội **“Cướp giật tài sản”** và **“Trộm cắp tài sản”**.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Trương Minh T **01 năm tù** về tội “Trộm cắp tài sản”, **05 năm tù** về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung là **06 năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2017, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/01/2017 đến ngày 25/01/2017.

- Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

+ Trả lại 01 máy tính bảng hiệu Huawei cho bị cáo Tú.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng.

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số: 380/18 ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại kho 253/5 LBB, phường HT, quận TP, Thành phố H).

- Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THA-DS; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam PC81B (1)
- Phòng THA-HS; (1)
- Phòng PC 53-CATP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (P/23)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Thu Lan